TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2019
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên;

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1329/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về việc "*ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Công T, sinh năm 1987, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh G, sinh năm 1991, xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 07/12/2018 và tại phiên Tòa, nguyên đơn ông Trần Công T trình bày tóm tắt như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Huỳnh G là vợ chồng, sống với nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống không hợp nhau, không đem lại hạnh phúc. Ông và bà G đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không hàn gắn lại được. Nay thấy tình cảm không còn yêu thương nên ông xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh G.

Con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Trần Thị Quế T, sinh ngày 02/01/2012 và Trần Thị Quế T1, sinh ngày 23/10/2014, các con chung hiện đang sống với bà G. Khi ly hôn ông đồng ý để cho bà G tiếp tục trực tiếp

nuôi 02 con chung và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung: Ông T xác định tài sản chung không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh G theo bản tự khai của bà ngày 21/12/2018 bà trình bày như sau: Bà xác nhận lời trình bày của ông T về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như ông T trình bày là đúng, về tình cảm vợ chồng nay ông T yêu cầu xin ly hôn, bà đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T sống chung có 02 con chung như ông T đã trình bày là đúng. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mức cấp dưỡng theo pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Bà G xác định tài sản chung giữa bà và ông T không có tài sản chung cũng như nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, ông Trần Công T yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh G, xét thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, về thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Ông T và bà G cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 02/4/2012 (số 55/HT.2012) nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà G được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2]. Xét yêu cầu ly hôn của ông T được bà G đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của ông T và bà G là không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông T và bà G theo Điều 55 luật hôn nhân gia đình năm 2015.

Về con chung: Ông T và bà G thống nhất nhau có 02 con chung. Hiện bà G đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung. Đối với ông T khi ly hôn ông đồng ý để 02 con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng ông cấp dưỡng nuôi 02 con chung cấp dưỡng cho mỗi con chung là 700.000 đồng. Đối với bà G, bà đồng ý tiếp tục nuôi 02 con chung. Sau khi ly hôn nhưng về cấp dưỡng

nuôi con chung thì bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mức cấp dưỡng theo pháp luật quy định. Xét thấy giữa ông T và bà G đã thống nhất nhau về việc nuôi con chung và mức cấp cấp dưỡng nuôi con chung không trái quy định pháp luật và phù hợp theo Điều 82 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nghi sự tự nguyện thỏa thuận của các bên về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung cũng như về tài sản cung và nợ chung.

Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Trần Công T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 235 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự sau:

Về hôn nhân: Ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Huỳnh G thuận tình ly hôn.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau:

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Huỳnh G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Quế T, sinh ngày 02/01/2012 và Trần Thị Quế T1, sinh ngày 23/10/2014. Ông Trần Công T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng cho một cháu 700.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi 02 con trưởng thành.

Các bên được quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và tình trạng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Huỳnh G thống nhất xác định tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số

0003822 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Ông Trần Công T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án
- UBND xã P
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tài